

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 26 tháng 09 năm 2010



CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

33-
G
M
V
V
CH
N

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 26 tháng 09 năm 2010.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Lê Văn Hường	Chủ tịch HĐQTV (Bổ nhiệm ngày 04 tháng 03 năm 2010)
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Chủ tịch HĐQTV (Miễn nhiệm ngày 04 tháng 03 năm 2010)
Ông Mitsuhiro Nishimura	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04 tháng 03 năm 2010)

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Hường	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04 tháng 03 năm 2010)
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04 tháng 03 năm 2010)
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04 tháng 03 năm 2010)
Ông Lê Văn Hường	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04 tháng 03 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Văn Hường

Giám đốc

Ngày: 15 tháng 10 năm 2010

12/10/2010
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THIẾT BỊ Y TẾ
VIỆT NHẬT

Trụ sở chính / Head Office:

P. 1501, Tầng 15, Toà nhà 17T-1, Trung hòa - Nhân Chính, Hà Nội
Suite 1501, 15th Floor, 17T-1 Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Hanoi
Tel: (84 4) 62 811 488 Fax: (84 4) 62 811 499
E-mail: contact@ifc-acagroup.vn www.ifc-acagroup.vn

Số: 1976/2010/BCKT-IFC-ACAGroup 1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
đến ngày 26 tháng 09 năm 2010 của Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc**
Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 26 tháng 09 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 26 tháng 09 năm 2010 được lập ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") từ trang 5 đến trang 19 kèm theo. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 26 tháng 09 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 26 tháng 09 năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Lê Xuân Thăng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV
Ngày 15 tháng 10 năm 2010

Phạm Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 26 tháng 09 năm 2010MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	26/09/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		296.467.968.682	201.090.133.194
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		50.983.898.524	9.438.921.158
1. Tiền	111	V.1	50.983.898.524	9.438.921.158
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		122.697.023.972	105.186.040.979
1. Phải thu khách hàng	131		120.975.225.765	100.540.564.367
2. Trả trước cho người bán	132		1.618.211.207	4.421.038.112
5. Các khoản phải thu khác	135		103.587.000	224.438.500
IV. Hàng tồn kho	140		119.663.333.104	50.489.322.877
1. Hàng tồn kho	141	V.2	119.663.333.104	50.489.322.877
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.123.713.082	35.975.848.180
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	113.217.400
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152		2.283.668.982	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.3	840.044.100	35.862.630.780
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		203.638.804.462	202.210.102.941
II. Tài sản cố định	220		194.097.433.935	200.495.916.895
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	182.468.411.636	184.560.826.858
- Nguyên giá	222		265.334.778.997	242.360.707.978
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.866.367.361)	(57.799.881.120)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.5	11.629.022.299	15.935.090.037
- Nguyên giá	225		34.448.541.900	34.448.541.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(22.819.519.601)	(18.513.451.863)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	-	-
- Nguyên giá	228		17.000.000	17.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.000.000)	(17.000.000)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230		7.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.7	7.000.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.541.370.527	1.714.186.046
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.541.370.527	1.714.186.046
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		500.106.773.144	403.300.236.135

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 26 tháng 09 năm 2010

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	26/09/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		248.401.587.089	356.883.356.556
I. Nợ ngắn hạn	310		238.328.663.089	349.423.867.558
1. Vay ngắn hạn	311	V.9	62.985.844.513	37.301.323.437
2. Phải trả cho người bán	312		125.623.560.730	266.399.462.833
3. Người mua trả tiền trước	313		28.789.066.367	38.462.961.771
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	20.096.931.352	7.260.119.517
5. Phải trả người lao động	315		664.013.127	-
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318		169.247.000	-
II. Nợ dài hạn	330		10.072.924.000	7.459.488.998
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	10.072.924.000	7.459.488.998
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		251.705.186.055	46.416.879.579
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	251.705.186.055	46.416.879.579
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		242.000.000.000	6.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	6.646.987.855
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.705.186.055	33.769.891.724
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		500.106.773.144	403.300.236.135



Lê Văn Hương
Giám đốc

Ngày 15 tháng 10 năm 2010

Hồ Bích Ngọc
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 26 tháng 09 năm 2010

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 26/09/2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	243.288.174.838	183.265.242.403
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	350.585.714
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	243.288.174.838	182.914.656.689
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	170.787.876.166	98.929.128.805
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.500.298.672	83.985.527.884
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.997.569.401	42.584.114
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.859.306.126	3.260.108.606
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.859.306.126	3.260.108.606
8. Chi phí bán hàng	24		-	3.816.721.966
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.510.576.133	39.176.655.215
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.127.985.814	37.774.626.211
11. Thu nhập khác	31		15.117.055	2.597.064.816
12. Chi phí khác	32		173.193.442	-
13. Lợi nhuận khác	40		(158.076.387)	2.597.064.816
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		51.969.909.427	40.371.691.027
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	13.034.615.096	7.065.045.930
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.935.294.331	33.306.645.097



Lê Văn Hương
Giám đốc

Ngày 15 tháng 10 năm 2010

Hồ Bích Ngọc
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 26 tháng 09 năm 2010

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 26/09/2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	51.969.909.427	40.371.691.027
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ	02	29.372.553.979	30.965.098.309
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.997.569.401)	(42.584.114)
- Chi phí lãi vay	06	4.859.306.126	3.260.108.606
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	83.204.200.131	74.554.313.828
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	15.341.152.105	(37.288.530.512)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(69.174.010.227)	(24.871.066.800)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(156.131.910.463)	13.123.596.287
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(827.184.481)	(1.527.143.277)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.859.306.126)	(3.260.108.606)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(329.458.366)	(309.886.113)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(43.086.113)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(132.776.517.427)	20.378.088.694
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(22.974.071.019)	(51.898.989.257)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.000.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.997.569.401	42.584.114
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(26.976.501.618)	(51.856.405.143)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	173.000.040.333	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	122.343.739.807	52.116.427.029
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(94.045.783.729)	(33.803.161.456)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(4.423.515.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	201.297.996.411	13.889.750.561
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	41.544.977.366	(17.588.565.888)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.438.921.158	27.027.487.838
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	50.983.898.524	9.438.921.950



Lê Văn Hương

Giám đốc

Ngày 15 tháng 10 năm 2010

Hồ Bích Ngọc

Kế toán trưởng

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp

phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01/01/2010 đến ngày 26/09/2010

MẪU B 09 - DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102003541 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2001 và các lần sửa đổi. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 09 tháng 09 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 242.000.000.000 đồng.

Tên giao dịch tiếng Việt: Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật

Tên giao dịch tiếng Anh: Japan - Vietnam Medical Instrument Company Limited

Tên viết tắt: J & V Co.,Ltd

Công ty có trụ sở chính đặt tại: Biệt thự số 18 BT5, khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế;
- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế;
- Sản xuất, lắp ráp thiết bị y tế;
- Cho thuê, khai thác thiết bị y tế;
- Buôn bán hàng điện, điện tử và thiết bị điện tử, thiết bị buro chính viễn thông, máy tính và thiết bị có liên quan, công nghệ tin học, phần mềm ứng dụng tin học (không bao gồm các thiết bị theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007);
- Đại lý dịch vụ Buro chính viễn thông;
- Thiết kế Web, thiết kế Database, kỹ thuật truy cập Internet, thiết kế mạng;
- Buôn bán hàng nông, lâm, thủy, hải sản (không bao gồm đường mía, củ cải), hàng thủ công mỹ nghệ, kim khí, điện máy;
- Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Môi giới, mua bán bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất, lắp ráp, buôn bán, xuất nhập khẩu: Đầu bơm, vỏ bình xà phòng;
- Thuê nhà xưởng và cho thuê nhà xưởng;
- Sản xuất, lắp ráp, gia công trong nước và xuất khẩu: Linh kiện, thiết bị y tế. Linh kiện, thiết bị điện tử;
- Phòng khám đa khoa (không kinh doanh tại trụ sở);
- Sản xuất, buôn bán đồng, kim loại màu;
- Buôn bán phế liệu đồng, kim loại màu (không bao gồm kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường).
- Dịch vụ giao nhận, vận tải hàng hóa trong nước và quốc tế bằng đường thủy, đường bộ; và
- Đại lý vận tải, đại lý tàu biển, đại lý môi giới vận chuyển.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 26 tháng 09 năm 2010 phục vụ cho mục đích quản trị của Công ty.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải thu, theo từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn và ghi chép theo từng lần thanh toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày
01/01/2010 đến ngày 26/09/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Phương tiện, dụng cụ quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị website của Công ty. Giá trị website được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Đến ngày 26 tháng 09 năm 2010, Công ty đã trích hết khấu hao giá trị website.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ngoại tệ (Tiếp theo)**

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 26 tháng 09 năm 2010.

Ghi nhận doanh thu, chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi viết hóa đơn tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ được tập hợp theo thực tế phát sinh và ước tính đúng kỳ kế toán.

Đối với hoạt động liên kết với các bệnh viện, doanh thu được ghi nhận căn cứ vào Biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và bệnh viện.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày
01/01/2010 đến ngày 26/09/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	26/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	48.767.561.115	7.789.621.086
Tiền gửi ngân hàng	2.216.337.409	1.649.300.072
Cộng	50.983.898.524	9.438.921.158

2. Hàng tồn kho

	26/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Hàng hóa (*)	119.663.333.104	50.489.322.877
Cộng	119.663.333.104	50.489.322.877

(*) Hàng hóa tồn kho tại ngày 26 tháng 09 năm 2010 là các máy móc thiết bị, dụng cụ y tế.

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp

phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01/01/2010 đến ngày 26/09/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**3. Tài sản ngắn hạn khác**

	26/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	86.142.700	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	753.901.400	35.862.630.780
Cộng	840.044.100	35.862.630.780

4. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	128.078.392	231.153.779.106	10.817.401.621	261.448.859	242.360.707.978
Mua trong kỳ	819.236.364	17.535.528.655	4.579.194.545	40.111.455	22.974.071.019
Tại ngày 26/09/2010	947.314.756	248.689.307.761	15.396.596.166	301.560.314	265.334.778.997
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	-	53.208.577.788	4.378.529.531	212.773.801	57.799.881.120
Khấu hao trong kỳ	52.500.507	23.688.701.827	1.302.464.117	22.819.790	25.066.486.241
Tại ngày 26/09/2010	52.500.507	76.897.279.615	5.680.993.648	235.593.591	82.866.367.361
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	<u>128.078.392</u>	<u>177.945.201.318</u>	<u>6.438.872.090</u>	<u>48.675.058</u>	<u>184.560.826.858</u>
Tại ngày 26/09/2010	<u>894.814.249</u>	<u>171.792.028.146</u>	<u>9.715.602.518</u>	<u>65.966.723</u>	<u>182.468.411.636</u>

Tại ngày 26 tháng 09 năm 2010, giá trị còn lại của tài sản đem thế chấp cầm cố cho các khoản vay: 29.862.289.414 đồng. Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 542.075.070 đồng.

5. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2010	34.448.541.900	34.448.541.900
Tại ngày 26/09/2010	34.448.541.900	34.448.541.900
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2010	18.513.451.863	18.513.451.863
Khấu hao trong kỳ	4.306.067.738	4.306.067.738
Tại ngày 26/09/2010	22.819.519.601	22.819.519.601
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2010	<u>15.935.090.037</u>	<u>15.935.090.037</u>
Tại ngày 26/09/2010	<u>11.629.022.299</u>	<u>11.629.022.299</u>

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp

phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01/01/2010 đến ngày 26/09/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện chi phí thiết lập website Công ty có nguyên giá 17.000.000 đồng. Đến ngày 26 tháng 09 năm 2010, Công ty đã trích hết khấu hao.

7. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	26/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ	7.000.000.000	-
Cộng	7.000.000.000	-

Theo hợp đồng ký ngày 09 tháng 10 năm 2007, Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật hợp tác với Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ đầu tư xây dựng tòa nhà khám bệnh chất lượng cao 11 tầng và mua sắm các trang thiết bị y tế dụng cụ phục vụ cho khám chữa bệnh chất lượng cao. Tổng mức đầu tư của dự án là 320.623.338.000 đồng, trong đó Công ty TNHH thiết bị y tế Việt Nhật góp 75% tương đương với số tiền là 240.467.503.500 đồng (góp bằng tiền và bằng thiết bị y tế).

8. Chi phí trả trước dài hạn

	26/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí phục vụ hoạt động liên kết với các Bệnh viện	1.005.534.560	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.535.835.967	1.714.186.046
Cộng	2.541.370.527	1.714.186.046

9. Vay ngắn hạn

	26/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	638.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	42.369.160.298	20.477.668.030
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	17.939.733.765	10.957.403.972
Ngân hàng TMCP Liên Việt	-	2.228.251.435
Công ty cho thuê Tài chính NH Ngoại thương VN (nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả)	2.676.950.450	3.000.000.000
Cộng	62.985.844.513	37.301.323.437

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng số 234/2009/HĐTD ngày 17/07/2009 và Thỏa thuận bổ sung Hợp đồng tín dụng số 234.02/2009/HĐTD ngày 26/02/2010 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Quế Võ và Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật, hạn mức cho vay là: 50.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay cụ thể theo mỗi lần tối đa không vượt quá 6 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm, lãi suất ngoại tệ theo quy định của bên cho vay tại thời điểm nhận nợ vay, lãi suất được điều chỉnh theo quy định của NH TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất, giá trị tài sản trên đất, 04 xe ô tô với tổng giá trị 30.090.000.000 đồng để thế chấp cho khoản vay này.

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày
01/01/2010 đến ngày 26/09/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**9. Vay ngắn hạn (Tiếp theo)**

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 2007/HĐTD2-VIB06/10 ngày 18/06/2010, tổng hạn mức tín dụng rủi ro là 28.814.000.000 đồng, trong đó hạn mức tín dụng ngắn hạn là 20.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương, hạn mức tín dụng vay món ngắn hạn là 779.000.000 đồng, hạn mức mở LC là 25.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh là 20.000.000.000 đồng. Thời hạn hạn mức: 12 tháng, thời hạn mỗi khế ước không quá 6 tháng, lãi suất tùy thời kỳ, gốc trả dần trong thời gian vay vốn và trả hết vào ngày đến hạn của khế ước, lãi trả vào ngày 15 hàng tháng.

Công ty sử dụng 01 bất động sản tại lô BT5-ô số 35, khu ĐTM Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội, 11 ô tô khám chữa bệnh lưu động và 1 máy chụp CT giá trị 1.848.000.000 đồng để thế chấp khoản vay này. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 23.001.000.000 đồng.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	26/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế xuất, nhập khẩu	123.686.355	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.965.276.247	7.260.119.517
Thuế thu nhập cá nhân	7.968.750	-
Cộng	20.096.931.352	7.260.119.517

11. Vay và nợ dài hạn

	26/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
CT cho thuê tài chính NH Ngoại thương Việt Nam	725.109.000	3.109.366.458
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.250.825.000	4.350.122.540
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	6.096.990.000	-
Cộng	10.072.924.000	7.459.488.998

Khoản vay Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng thuê tài chính sau:

- Hợp đồng số 20.07.06/CTTC ngày 14/03/2007, trị giá gốc tính cho thuê là 3.709.860.000 đồng, thời hạn thuê là 60 tháng, thời gian thu hồi nợ gốc là 60 tháng, không có thời gian ân hạn, nợ gốc và lãi được thanh toán định kỳ 3 tháng/lần. Giá trị gốc còn lại tại ngày 26/09/2010 là: 1.298.451.000 đồng.
- Hợp đồng số 20.07.08/CTTC ngày 14/03/2007, trị giá gốc tính cho thuê: 3.541.230.000 đồng, thời hạn thuê là 60 tháng, thời gian thu hồi nợ gốc là 60 tháng, không có thời gian ân hạn, nợ gốc và lãi được thanh toán định kỳ 3 tháng/lần. Giá trị gốc còn lại tại ngày 26/09/2010 là 1.239.430.500 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 10.05.32/CTTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 giữa Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính NHTMCPNT Việt Nam và Công ty Thiết bị Y tế Việt Nhật, trị giá gốc thuê bằng 70% tổng giá trị tài sản là 455.000 USD, thời hạn thuê là 60 tháng, thời gian thu hồi nợ gốc là 57 tháng, nợ gốc và lãi được thanh toán định kỳ 1 tháng/lần. Giá trị gốc còn lại tại ngày 26/9/2010 là 380.763.138 đồng.

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày
01/01/2010 đến ngày 26/09/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**11. Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)**

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 07.04.12/CTTC ngày 10/11/2004 giữa Cty TNHH một thành viên cho thuê tài chính NHTMCPNTVN và Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật, trị giá gốc thuê bằng 70% tổng giá trị tài sản là 455.000 USD, thời hạn thuê là 66 tháng, thời gian thu hồi nợ gốc là 60 tháng, nợ gốc và lãi được thanh toán định kỳ 1 tháng/lần. Giá trị gốc còn lại tại ngày 26/09/2010 là 483.414.812 đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 258/2009/HĐTD ngày 18/08/2009, số tiền cho vay bằng VND quy đổi tối đa là 237.750 USD, thời hạn cho vay 24 tháng, thời gian ân hạn 2 tháng. Khoản vay trên chịu lãi suất cho vay VND tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm. Lãi suất tiền vay sẽ được điều chỉnh theo quy định của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Công ty đã sử dụng toàn bộ giá trị tài sản được hình thành từ vốn vay và tài sản là nhà và đất của bà Nguyễn Phương Hạnh và ông Lê Văn Hường để thế chấp cho khoản vay này. Tổng giá trị tài sản đảm bảo được định giá là 825.500.000 đồng.

Khoản vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng sau;

- Hợp đồng tín dụng số 2203/HĐTD2-VIB09/10 được ký giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật ngày 18 tháng 09 năm 2010. Số tiền vay là 2.214.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay: áp dụng tại thời điểm giải ngân điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 03 tháng + BDDSLTT 3.1%/năm. Phương thức trả nợ: trả gốc 03 tháng/lần. Trả lãi hàng tháng theo dư nợ giảm dần vào ngày 15. Tài sản đảm bảo: 01 xe tô tô con hiệu Lexus, màu sơn đen, mới 100%, chủ sở hữu: Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật.
- Hợp đồng tín dụng số 2199.01/HĐTD2VIB09/10 được ký giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật ngày 13 tháng 09 năm 2010. Số tiền vay: 848.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trả gốc 03 tháng/lần. Trả lãi theo dư nợ giảm dần vào ngày 15 hàng tháng.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 2007/HĐTD2-VIB06/10 ngày 18/06/2010, tổng hạn mức tín dụng rủi ro là 28.814.000.000 đồng, trong đó hạn mức tín dụng trung hạn là 3.035.000.000 đồng. Thời hạn hạn mức: 12 tháng, thời hạn mỗi khế ước không quá 6 tháng, lãi suất tùy thời kỳ, gốc trả dần trong thời gian vay vốn và trả hết vào ngày đến hạn của khế ước, lãi trả vào ngày 15 hàng tháng.

Các khoản nợ dài hạn (thuê tài chính) được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	26/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.676.950.450	3.000.000.000
Trong năm thứ hai	3.975.934.000	3.109.366.458
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	6.096.990.000	4.350.122.540
Sau năm năm	-	-
	12.749.874.450	10.459.488.998
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	2.676.950.450	3.000.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	10.072.924.000	7.459.488.998

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày
01/01/2010 đến ngày 26/09/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**12. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2010	6.000.000.000	6.646.987.855	33.769.891.724	46.416.879.579
Tăng vốn trong kỳ	173.000.000.000	-	-	173.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	38.935.294.331	38.935.294.331
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế	63.000.000.000	-	(63.000.000.000)	-
Giảm khác	-	(6.646.987.855)	-	(6.646.987.855)
Số dư tại 26/09/2010	242.000.000.000	-	9.705.186.055	251.705.186.055

b. Chi tiết Vốn chủ sở hữu

	26/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ông Lê Văn Hường	217.800.000.000	4.800.000.000
Bà Nguyễn Phương Hạnh	16.940.000.000	600.000.000
Ông Nguyễn Hữu Điền	7.260.000.000	-
Công ty Mishimura Medical Instrument Co., Ltd	-	600.000.000
Cộng	242.000.000.000	6.000.000.000

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 13 tháng 09 năm 2010, bà Nguyễn Phương Hạnh chuyển 3% vốn góp cho ông Nguyễn Hữu Điền, tương ứng với số tiền là 7.260.000.000 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 26/09/2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	243.288.174.838	183.265.242.403
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán hàng	202.700.007.638	117.344.718.367
- Doanh thu liên kết thiết bị y tế	38.647.736.051	64.659.702.036
- Doanh thu dịch vụ khám bệnh lưu động	1.940.431.149	1.260.822.000
Các khoản giảm trừ	-	350.585.714
<i>Trong đó:</i>		
- Hàng bán bị trả lại	-	350.585.714
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	243.288.174.838	182.914.656.689

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày
01/01/2010 đến ngày 26/09/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 26/09/2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động bán hàng	146.615.320.539	98.929.128.805
Giá vốn của hoạt động liên kết	23.688.701.827	-
Giá vốn của dịch vụ khám bệnh lưu động	483.853.800	-
Cộng	170.787.876.166	98.929.128.805

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 26/09/2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi	85.650.041	42.584.114
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.911.919.360	-
Cộng	2.997.569.401	42.584.114

4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 26/09/2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.859.306.126	3.260.108.606
Cộng	4.859.306.126	3.260.108.606

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 26/09/2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	51.969.909.427	40.371.691.027
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	168.550.956	-
Thu nhập chịu thuế	52.138.460.383	40.371.691.027
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.034.615.096	10.092.922.757
Thuế TNDN được giảm theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009	-	3.027.876.827
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.034.615.096	7.065.045.930

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày
01/01/2010 đến ngày 26/09/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2009.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 27 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH thiết bị y tế Việt Nhật thành Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật. Theo đó, toàn bộ tài sản, nguồn vốn của Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật được chuyển sang từ Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng thành viên được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 26/09/2010</u>
Hội đồng Thành viên, Ban Giám Đốc	295.342.500
Lê Văn Hường	140.278.500
Nguyễn Phương Hạnh	155.064.000

3. Số liệu so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Số liệu so sánh được lấy từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2009 bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính.



Lê Văn Hường
Giám đốc

Ngày 15 tháng 10 năm 2010

Hồ Bích Ngọc
Kế toán trưởng